

Số: **1993** /KL-STP

Quảng Bình, ngày **07** tháng **8** năm 2020

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Về việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 1646/QĐ-STP ngày 22/6/2020 của Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình về thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, trong 03 ngày (Ngày 02, 03 và ngày 06/7/2020), Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 1646/QĐ-STP đã tổ chức thanh tra công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTTr ngày 23/7/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch tại Báo cáo số 41/BC-TP ngày 15/7/2020 và Công văn số 50/TP ngày 03/8/2020 về việc đính chính trong Báo cáo số 41/BC-TP ngày 15/7/2020 của Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch, Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình kết luận như sau:

#### A. KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG THANH TRA

Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch biên chế có 04 công chức và 01 viên chức, gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 02 chuyên viên, 01 viên chức biệt phái, tất cả đều có trình độ Cử nhân Luật, 01 đồng chí có trình độ Cao cấp lý luận chính trị và 02 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, 01 đồng chí đang tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị.

Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch (gọi tắt là Phòng) được bố trí 02 phòng làm việc, mỗi công chức đều được trang bị máy vi tính có kết nối internet. Điều kiện làm việc cơ bản thuận lợi, đáp ứng yêu cầu công tác.

#### B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

##### I. VỀ CÔNG TÁC CHỨNG THỰC

**1. Việc triển khai nhiệm vụ chứng thực thuộc thẩm quyền; việc chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục chứng thực; số lượng từng loại việc chứng thực đã thực hiện; việc lập sổ, cập nhật ghi vào sổ chứng thực và lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực**

Hàng năm, Phòng đã tham mưu UBND huyện Quảng Trạch ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã thực hiện công tác chứng thực. Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trả kết quả chứng thực được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND huyện Quảng Trạch.

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/5/2020, Phòng đã thực hiện chứng thực theo thẩm quyền 02 loại việc, cụ thể:



- Chứng thực bản sao từ bản chính: 6792 bản sao.
- Chứng thực chữ ký người dịch: 28 trường hợp.

a) Về ưu điểm

- Phòng đã tuân thủ các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để thực hiện chứng thực.

- Đã mở đầy đủ các loại Sổ chứng thực (Sổ chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ; sổ chứng thực bản sao từ bản chính) theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP; đã cập nhật, ghi chép đầy đủ, rõ ràng vào sổ chứng thực các loại việc phát sinh; đã đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm. Năm 2018 đến tháng 02/2019 thực hiện theo dõi trên Sổ chứng thực và cập nhật viết bằng tay. Từ tháng 02/2019 đến 30/5/2020 thực hiện theo dõi trên máy vi tính, cuối tháng in kết quả theo dõi và đóng thành tập, cuối năm tập hợp đóng thành sổ theo quy định. Giữa các trang của sổ được đóng dấu giáp lai và cuối năm thực hiện việc chốt sổ theo quy định.

- Hồ sơ chứng thực chữ ký người dịch: Qua kiểm tra 28/28 hồ sơ chứng thực chữ ký người dịch (Hồ sơ số từ 01 đến 10/2018; từ 01 đến 17/2019, 01/2020), các hồ sơ được kiểm tra đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về chứng thực. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng cơ bản sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu trữ theo từng loại việc, khoa học, thuận tiện cho việc khai thác, lời chứng thực hiện theo mẫu quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

b) Về tồn tại, hạn chế

Một số trang của Sổ chứng thực bản sao từ bản chính thực hiện sửa sổ chưa đúng hướng dẫn tại Khoản 4 Phần hướng dẫn sử dụng sổ.

**2. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)**

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Phòng đã tham mưu cho UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo UBND các xã, các phòng ban có liên quan triển khai thực hiện. Phòng đã chỉ đạo cán bộ trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông và công chức Phòng khi thực hiện tiếp nhận, thụ lý hồ sơ TTHC, cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện TTHC nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp nộp bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm bản chính thì công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tự kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và chịu trách nhiệm về tính

chính xác của bản sao so với bản chính mà không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực. Phòng đã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, thụ lý hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông để kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực giấy tờ, văn bản.

### **3. Việc sử dụng, theo dõi, quản lý đội ngũ cộng tác viên dịch thuật**

Thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Phòng đã thông báo, rà soát những người có đủ điều kiện làm cộng tác viên dịch thuật, tổng hợp lập danh sách trích ngang kèm hồ sơ của từng cá nhân đề nghị Sở Tư pháp phê duyệt danh sách cộng tác viên dịch thuật và thực hiện các nhiệm vụ quản lý cộng tác viên dịch thuật đảm bảo đúng quy định.

### **4. Việc thông báo mẫu chữ ký**

Triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Phòng đã tiến hành thông báo mẫu chữ ký của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng khi thực hiện chứng thực và hướng dẫn UBND cấp xã thông báo mẫu chữ ký của Chủ tịch và Phó Chủ tịch khi thực hiện chứng thực.

### **5. Việc hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ chứng thực của UBND cấp xã**

Công tác hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ chứng thực của UBND cấp xã được Phòng quan tâm thực hiện. Hàng năm, Phòng đều có Kế hoạch kiểm tra công tác Tư pháp - Hộ tịch, kết quả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/5/2020 đã thực hiện kiểm tra tại 07 xã trên địa bàn huyện. Kết quả kiểm tra đã phát hiện những sai phạm, hạn chế; kịp thời giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Việc hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực cho công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã được thực hiện thông qua các hội nghị giao ban Quý, 6 tháng, năm.

## **II. CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ TỊCH**

### **1. Tình hình triển khai Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Hộ tịch**

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Hộ tịch, Phòng đã tham mưu cho UBND huyện tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1762/KH-UBND ngày 06/7/2015 triển khai thi hành Luật Hộ tịch và các văn hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch trên địa bàn huyện; đã tham mưu cho Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật huyện tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn huyện để phổ biến, quán triệt Luật Hộ tịch.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng đã ban hành 03 văn bản, chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Công văn số 47/PTP ngày 29/05/2018 về việc cung cấp thông tin cơ bản liên quan đến đăng ký hộ tịch; Công văn số 06/PTP ngày 18/01/2018 về việc hướng dẫn giải quyết hồ sơ yêu cầu cải chính hộ tịch; Công văn số 43/PTP ngày 09/10/2019 về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật Hộ tịch và thực hiện một số quy định về chứng thực. Phối hợp với UBND các xã cử 30 công chức Tư pháp – Hộ tịch tham gia tập huấn nghiệp vụ hộ tịch tại Trường Trung cấp Luật Đồng Hới; Phòng đã cử công chức phụ trách công tác hộ tịch tham gia tập huấn nghiệp vụ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.



Đề tham mưu UBND huyện trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc”, Phòng đã tham mưu cho UBND huyện bố trí đủ kinh phí nhằm đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, phương tiện cho công chức làm công tác hộ tịch tại Phòng và UBND các xã trên địa bàn huyện. Về cơ bản đã đáp ứng đầy đủ trang thiết bị, phương tiện và công nghệ thông tin để phục vụ cho triển khai Đề án. Đến nay, 100% công chức hộ tịch cấp huyện và công chức Tư pháp – hộ tịch cấp xã đã cập nhật và sử dụng thành thạo Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp.

Phòng đã phối hợp Phòng Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, UBND các xã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, thực hiện các chuyên trang, chuyên mục pháp luật về Hộ tịch và phối hợp Phòng Nội vụ rà soát, kiện toàn đội ngũ làm công tác tư pháp - hộ tịch cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật Hộ tịch.

## **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch theo quy định tại Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành; số lượng từng loại việc hộ tịch đã thực hiện; các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về hộ tịch.**

Từ 01/01/2018 đến 30/5/2020, Phòng đã tham mưu đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND huyện như sau:

- Đăng ký kết hôn có yếu nước ngoài: 20 trường hợp.
- Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài: 13 trường hợp.
- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 01 trường hợp.
- Ghi chú kết hôn: 02 trường hợp.
- Đăng ký thay đổi hộ tịch 05 trường hợp, cải chính hộ tịch 295 trường hợp, cho người đủ từ 14 tuổi trở lên.

### **a) Ưu điểm**

- Phòng đã tham mưu UBND huyện Quảng Trạch tuân thủ các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện đăng ký hộ tịch.

- Đã mở đầy đủ các loại Sổ hộ tịch theo quy định: Sổ Đăng ký kết hôn; Sổ Ghi chú lý hôn; Sổ Đăng ký khai sinh; Sổ Đăng ký nhận cha, mẹ, con; Sổ Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc. Sổ được bảo quản sạch sẽ, ghi chép rõ ràng, không tẩy xóa, chỉnh sửa, cuối năm chốt sổ theo quy định. Giữa các trang của các loại sổ được đóng dấu giáp lai. Các sự kiện hộ tịch được cập nhật đầy đủ vào các loại sổ tương ứng để tra cứu, khai thác, thuận lợi trong quá trình thanh tra, kiểm tra và lưu trữ.

- Hồ sơ được giải quyết cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thành phần hồ sơ đầy đủ, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về hộ tịch. Hồ sơ lưu trữ sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu

trữ theo từng loại việc, khoa học, thuận tiện cho việc khai thác. Các hồ sơ đều lưu đầy đủ phiếu tiếp nhận hồ sơ; phiếu trình giải quyết công việc, trong đó thể hiện việc chuyển hồ sơ từ chuyên viên nhận hồ sơ đến chuyên viên nghiệp vụ, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng và Lãnh đạo UBND huyện. Hồ sơ lưu kết quả giải quyết đã được cập nhật thông tin vào mặt sau Giấy khai sinh theo quy định.

Về đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài: Qua kiểm tra 13/13 hồ sơ đăng ký khai sinh (Hồ sơ số 01, 02/2018; từ 01 đến 7/2019; 01, 02, 03, 04/2020); 01/02 hồ sơ ghi chú kết hôn có yếu tố nước ngoài (hồ sơ số 01/2020); 02/02 hồ sơ ghi chú ly hôn (hồ sơ số 01, 02/2018); 01/01 hồ sơ đăng ký nhận cha mẹ con (hồ sơ số 01/2019), 20/20 hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (Hồ sơ từ 01 đến 10/2018; 01 đến 08/2019; 02, 03/2020); 162/295 hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch (Năm 2018: 58 hồ sơ (Hồ sơ từ 01 đến 09, từ 11 đến 14, 48, 52, từ 55 đến 79, từ 81 đến 92, từ 94 đến 96/2018); năm 2019: 73 hồ sơ (hồ sơ số 01, 07, 10, 18, 25, từ 27 đến 30, 33, từ 37 đến 39, 43, 46, 50, từ 54 đến 111/2019); năm 2020: 31 hồ sơ (hồ sơ số từ 01 đến 15, từ 28 đến 33, 41, 42, 47, 48, từ 54 đến 56, từ 61 đến 63/2020: Các hồ sơ được kiểm tra đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch.

#### b) Tồn tại

- Hồ sơ số 80, 93/2018 thể hiện người khác đi làm thay đăng ký cải chính hộ tịch nhưng hồ sơ không có giấy ủy quyền của người được cải chính là chưa phù hợp với quy định tại Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Hồ sơ số 10/2018 thuộc trường hợp thay đổi tên gọi theo quy định tại Khoản 1, Điều 26 Luật Hộ tịch và Điều 28 Bộ Luật Dân sự 2015 nhưng Phòng tham mưu UBND huyện thực hiện thủ tục cải chính và cấp trích lục cải chính hộ tịch là chưa phù hợp.

### **3. Việc hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ hộ tịch của UBND cấp xã**

Công tác hướng dẫn về hộ tịch được Phòng thực hiện thông qua các hội nghị giao ban Quý, 6 tháng và tổng kết năm.

Hàng năm, Phòng đều có Kế hoạch kiểm tra công tác Tư pháp - hộ tịch đối với các xã trên địa bàn huyện. Kết quả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/5/2020 đã thực hiện kiểm tra tại 07 xã trên địa bàn huyện, qua kiểm tra đã phát hiện những sai phạm, hạn chế; kịp thời giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Đã tham mưu UBND huyện thu hồi, hủy bỏ các Giấy tờ hộ tịch do UBND cấp xã cấp trái quy định của pháp luật về hộ tịch theo quy định.

### **III. VIỆC THU, NỘP, QUẢN LÝ PHÍ CHỨNG THỰC VÀ LỆ PHÍ HỘ TỊCH**

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực, lệ phí hộ tịch cơ bản thực hiện theo Thông tư số 226/2016/TTLT-BTC-BTP ngày 11/11/2016 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung một số quy định về mức thu các loại phí,

lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đã thực hiện việc mở sổ, cập nhật theo dõi tình hình thu phí chứng thực, lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí khi giao dịch.

Qua kiểm tra xác suất một số trường hợp thu phí chứng thực bản sao từ bản chính: Năm 2018: 12 trường hợp (Số chứng thực 36, 129, 141, 142, 154, 155, 259, 651, 1008, 1410, 1435, 1498/2018); Năm 2019: 10 trường hợp (79, 88, 92, 93, 210, 341, 579, 865, 987, 988/2019); Năm 2020: 09 trường hợp (03, 07, 10, 13, 15, 65, 68, 80, 88/2020) cho thấy việc thực hiện thu phí chứng thực bản sao từ bản chính chưa thống nhất khi cùng thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính cùng một loại giấy tờ, tài liệu là văn bằng, chứng chỉ, có trường hợp thu 2000đ/bản, có trường hợp thu 4000đ/bản là chưa phù hợp với Khoản 2 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP và Điều 1 Điều 4 Bảng mức thu phí chứng thực theo Thông tư số 226/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thống kê có 301 trường hợp chứng thực văn bằng, chứng chỉ thu 2000đ/bản.

## **C. KẾT LUẬN**

### **1. Ưu điểm**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Phòng đã bám sát và tuân thủ các quy định của Luật Hộ tịch; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; Thông tư số 15/2015/TT-BTP, Thông tư 20/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp và các văn bản có liên quan khác. UBND huyện đã quan tâm bố trí cơ sở, vật chất, phương tiện làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác tư pháp tại địa phương.

Nhìn chung, hoạt động chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch của Phòng đã cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. Hồ sơ giải quyết cơ bản đảm bảo đầy đủ các giấy tờ cần thiết, hợp lệ. Đã mở các loại Sổ chứng thực và các loại Sổ hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư 20/2015/TT-BTP; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Sổ ghi chép rõ ràng, cập nhật đầy đủ các loại việc phát sinh, đã đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm theo quy định. Hồ sơ lưu trữ tương đối đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học và theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; việc thu, nộp, quản lý phí chứng thực, lệ phí hộ tịch cơ bản thực hiện theo quy định của pháp luật. Các hồ sơ được kiểm tra như hồ sơ chứng thực chữ ký người dịch, các hồ sơ đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài gồm hồ sơ đăng ký khai sinh, hồ sơ ghi chú ly hôn, hồ sơ ghi chú kết hôn và hồ sơ đăng ký kết hôn đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đã tổ chức kiểm tra công tác tư pháp của UBND cấp xã để kịp thời nắm bắt, chấn chỉnh các sai sót trong triển khai nhiệm vụ.

### **2. Tồn tại**

- Một số trang của Sổ chứng thực bản sao từ bản chính thực hiện sửa sổ chưa đúng hướng dẫn tại Khoản 4 Phần hướng dẫn sử dụng sổ.

- Hồ sơ số 80, 93/2018 thể hiện người khác đi làm thay đăng ký cải chính hộ tịch nhưng hồ sơ không có giấy ủy quyền của người được thay đổi, cải chính. Hồ sơ

*th*

số 10/2018 thuộc trường hợp thay đổi tên nhưng Phòng tham mưu UBND huyện thực hiện thủ tục cải chính và cấp trích lục cải chính hộ tịch.

- Việc thu phí chứng thực bản sao từ bản chính một số loại giấy tờ như văn bằng, chứng chỉ chưa thống nhất, có trường hợp thu 2000đ/bản, có trường hợp thu 4000đ/bản là chưa phù hợp với quy định (Thông kê có 301 trường hợp thu 2000đ/bản).

### **3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm**

Như vậy, qua xem xét các ưu điểm, tồn tại cho thấy ưu điểm của Phòng là cơ bản và nổi trội; tồn tại, thiếu sót không nhiều, có tính phổ biến, chưa phát sinh hậu quả cho các bên liên quan. Nguyên nhân của tồn tại, thiếu sót xuất phát từ những lý do khác nhau, trong đó có nguyên nhân là do nhầm lẫn về cách hiểu và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Phòng đã có báo cáo giải trình số 41/BC-TP ngày 15/7/2020 và Công văn số 50/TP ngày 03/8/2020 về việc đính chính Báo cáo số 41/BC-TP ngày 15/7/2020. Theo đó, Phòng giải trình một số nội dung có liên quan cụ thể như sau:

- Đối với tồn tại, thiếu sót trong hồ sơ số 80, 93/2018 thể hiện người khác đi làm thay đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nhưng hồ sơ không có giấy ủy quyền của người được thay đổi, cải chính: Phòng đã xuất trình bổ sung Giấy ủy quyền.

Sở Tư pháp nhận thấy đây là sơ suất trong quá trình tác nghiệp về kiểm soát và lưu trữ hồ sơ. Vì vậy, Sở Tư pháp yêu cầu Phòng rút kinh nghiệm trong thời gian tới, không để xảy ra thiếu sót tương tự.

- Đối với sai sót về hồ sơ số 10/2018 thuộc trường hợp thay đổi tên nhưng thực hiện thủ tục cải chính và cấp trích lục cải chính hộ tịch.

Phòng đã giải trình: Tại thời điểm làm thủ tục khai sinh (22/7/2002) do cán bộ tư pháp - hộ tịch xã Quảng Hợp không cẩn thận đã viết sai tên gọi của người yêu cầu cả trong Giấy khai sinh và trong Sổ Đăng ký khai sinh, sau đó sửa trực tiếp lên Giấy khai sinh đã cấp không đúng quy định nhưng thông tin trong Sổ Đăng ký khai sinh vẫn giữ nguyên, vì không biết có sự sai sót nên người yêu cầu (người đi khai sinh) đã cầm Giấy khai sinh có dấu hiệu sửa tên thực hiện các giao dịch có liên quan như nhập học, nhập khẩu... với thông tin Nguyễn Văn Thiện mà vô tình không biết Giấy khai sinh đó đã được sửa sai quy định và không biết được thông tin trong Sổ Đăng ký khai sinh có thông tin Nguyễn Văn Thế. Hiện nay, khi thực hiện các giao dịch có liên quan, Giấy khai sinh có dấu hiệu sửa tên gọi nên không có giá trị về mặt pháp lý, người yêu cầu đã xin cấp trích lục bản sao để thực hiện các giao dịch có liên quan thì phát hiện có sự sai sót về tên gọi giữa Sổ Đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh, vì vậy, Phòng đã hướng dẫn cho người yêu cầu làm thủ tục cải chính hộ tịch (cải chính tên gọi mà không hướng dẫn làm thủ tục thay đổi tên gọi).

Sở Tư pháp nhận thấy: Toàn bộ tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ cải chính hộ tịch không thể hiện việc công chức Tư pháp – hộ tịch xã Quảng Hợp thừa nhận đã viết sai tên gọi của người được đăng ký khai sinh và thông tin về họ tên của người được cải chính trong Sổ Đăng ký khai sinh không có dấu hiệu sửa; tuy nhiên do có nhầm lẫn về cách hiểu và áp dụng pháp luật nên Phòng đã hướng dẫn làm thủ tục cải chính. Thực tiễn, tên gọi của người được cải chính đã được sử dụng để nhập hộ khẩu, đi học tập từ

*thư*

nằm vào tiêu học cho đến nay, việc dùng không đúng tên gọi này đã xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các bên, được các bên thừa nhận và hậu quả pháp lý chưa xảy ra, không có ai khiếu nại về việc cải chính hộ tịch trên. Vì vậy, yêu cầu Phòng rút kinh nghiệm trong tham mưu thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới.

- Đối với tồn tại, thiếu sót: Việc thu phí chứng thực bản sao từ bản chính các loại giấy tờ như văn bằng, chứng chỉ chưa thống nhất, có trường hợp thu 2000đ/bản, có trường hợp thu 4000đ/bản.

Phòng đã giải trình: Khi tiếp nhận hồ sơ chứng thực, người đề nghị chứng thực đã cung cấp bản photo một số văn bằng, chứng chỉ nhưng trang bìa của các loại giấy tờ này bị đen, không rõ nội dung thông tin của trang bìa, Phòng không có máy photo nên không photo lại được, trụ sở làm việc lại cách xa trung tâm dân cư (nơi có dịch vụ photo cho người dân), người dân đi lại khó khăn, photo lại giấy tờ tốn kém, nên Phòng chỉ thu phí chứng thực đối với trang có thông tin rõ ràng, không thu phí chứng thực đối với trang bìa bị đen, không rõ thông tin hoặc không có thông tin. Còn nhiều trường hợp hợp văn bằng, chứng chỉ khi photo không bị đen, trang bìa có thông tin rõ ràng thì Phòng thu theo đúng quy định.

Sở Tư pháp nhận thấy: Việc thu phí chứng thực trong Sổ chứng thực bản sao từ bản chính lưu tại Phòng cho thấy việc thu phí các văn bằng, chứng chỉ không thống nhất (có trường hợp thu 4000đ/bản, có trường hợp thu 2000đ/bản); Nghị định 23/2015/NĐ-CP không quy định về chế độ lưu trữ các bản sao được chứng thực từ bản chính nên Sở Tư pháp (cụ thể là Đoàn Thanh tra) không có cơ sở để xem xét, đối chiếu. Trong Sổ chứng thực bản sao từ bản chính, nội dung cột thông tin về Họ, tên cá nhân, tổ chức yêu cầu chứng thực, không có thông tin địa chỉ, số điện thoại của người yêu cầu chứng thực để thực hiện liên lạc. Mặt khác việc giải trình của Phòng về chứng thực các văn bằng, chứng chỉ tương đối hợp lý. Tuy nhiên, đây là một bất cập của pháp luật trong việc quy định thu phí chứng thực các văn bằng, chứng chỉ đối với các trang bìa khi photo bị đen và không rõ thông tin hoặc không có thông tin và không ảnh hưởng về mặt nội dung của bản chính được chứng thực nên cần đề nghị kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định về thu phí chứng thực cho phù hợp. Nội dung này Phòng nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc thu phí chứng thực đảm bảo đúng quy định của pháp luật trong thời gian tới.

Một số tồn tại, thiếu sót nêu trên của Phòng chưa đến mức phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Phòng đã thừa nhận những sai sót, đồng thời tiếp thu các ý kiến góp ý trao đổi mà Sở Tư pháp (cụ thể là Đoàn Thanh tra) đã chỉ ra và nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới.

#### **D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOÀN THIÊN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

##### **1. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng**

Sở Tư pháp (cụ thể là Đoàn Thanh tra) đã nhắc nhở, trao đổi trực tiếp đề Phòng biết, chủ động khắc phục những tồn tại, thiếu sót phát hiện qua thanh tra và nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình hoạt động của Phòng trong thời gian tới.

**2. Kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm:** Không.

**3. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật**

- Sửa đổi Thông tư số 226/2016/TT-BTC xem xét theo hướng không thu phí chứng thực bản sao từ bản chính đối với các tài liệu, giấy tờ khi pho to trang bìa bị đen, không rõ thông tin hoặc không có thông tin và không ảnh hưởng về mặt nội dung của bản chính được chứng thực (văn bằng, chứng chỉ...).

- Sửa đổi Nghị định 23/2015/NĐ-CP bổ sung quy định các cơ quan thực hiện chứng thực thực hiện lưu trữ bản sao từ bản chính được chứng thực.

## **E. MỘT SỐ YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Bộ Tư pháp**

Kiến nghị Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 226/2016/TT-BTC xem xét theo hướng không thu phí chứng thực bản sao từ bản chính đối với văn bằng, chứng chỉ khi pho to trang bìa bị đen và không rõ thông tin hoặc không có thông tin và không ảnh hưởng về mặt nội dung của bản chính được chứng thực.

Kiến nghị Chính phủ bổ sung Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định các cơ quan thực hiện chứng thực thực hiện lưu trữ bản sao từ bản chính.

### **2. Đối với UBND huyện Quảng Trạch**

Chỉ đạo Phòng Tư pháp tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác tư pháp cho UBND cấp xã trên địa bàn; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức Tư pháp – hộ tịch. Chỉ đạo Phòng Tư pháp kịp thời khắc phục một số tồn tại, thiếu sót được phát hiện qua thanh tra. Tiếp tục quan tâm tăng cường nguồn lực, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho hoạt động tư pháp.

### **3. Đối với Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch**

#### **a) Yêu cầu Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch**

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm và kết quả đạt được. Sau thanh tra, đề nghị Phòng nghiêm túc rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục một số tồn tại, thiếu sót nêu trên, để việc triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới đảm bảo đạt hiệu quả cao hơn.

- Tăng cường tham mưu cho UBND cùng cấp có kế hoạch thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Tư pháp – hộ tịch; nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch, đảm bảo triển khai tốt nhiệm vụ công tác tư pháp tại địa phương. Quan tâm hơn đến việc triển khai nhiệm vụ công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo công chức Tư pháp - hộ tịch thực hiện tốt nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra công tác tư pháp ở cơ sở. Tiếp tục tham mưu UBND huyện hỗ trợ kinh phí, đồng thời chỉ đạo UBND các xã duy trì cấp kinh phí cho hoạt động tư pháp, đảm bảo theo quy định.

*Thư*

b) Yêu cầu đối với Lãnh đạo và công chức Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch

- Lãnh đạo Phòng nghiêm túc rút kinh nghiệm, kịp thời chỉ đạo khắc phục kết luận thanh tra; thường xuyên tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức thuộc quyền quản lý. Tham mưu UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực chứng thực, hộ tịch theo quy định.

- Công chức Phòng cần phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục tồn tại, thiếu sót để tham mưu giúp Lãnh đạo Phòng tham mưu cho UBND huyện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường nghiên cứu, học hỏi, trau dồi thêm kiến thức về mọi mặt, nhằm không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả công tác.

#### **4. Đối với Thanh tra Sở**

Tham mưu giúp Lãnh đạo Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị về thanh tra, kịp thời báo cáo, đề xuất lãnh đạo Sở xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm được phát hiện.

#### **5. Đối với Phòng Hành chính Tư pháp**

Tham mưu giúp Lãnh đạo Sở công văn hướng dẫn, tháo gỡ những vướng mắc về nghiệp vụ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra đối với công tác hộ tịch, chứng thực trên địa bàn; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, sai sót để nhắc nhở, rút kinh nghiệm chung; phối hợp Văn phòng Sở tham mưu, đề xuất tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn.

#### **6. Đối với Văn phòng Sở**

Tham mưu, đề xuất tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch và một số kiến nghị. Sở Tư pháp yêu cầu Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch khắc phục các sai sót nêu tại Điểm b Khoản 1 Mục I và Điểm b Khoản 2 Mục II Phần B; thực hiện các yêu cầu kiến nghị tại Khoản 3 Phần E của Kết luận này, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra cho Sở Tư pháp trước ngày **30/10/2020**.

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Cục HT, QT, CT (BTP);
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Quảng Trạch;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng HCTP;
- Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch;
- Lưu: VT, HSTT.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Chí Tiến**